TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST Ngày 17 - 4 - 2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai G - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mỹ N, sinh năm 2004; nơi thường trú: số nhà A, đường Đ, tổ B, ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: số A, đường H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đắc H, sinh năm 2000; nơi cư trú: số nhà A, đường Đ, tổ B, ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ N trình bày:

Bà Nguyễn Mỹ N và ông Nguyễn Đắc H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 16 tháng 5 năm 2023. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7 năm 2023, bà N và ông H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5 năm 2025 thì mâu thuẫn trầm trọng; hiện nay vợ chồng không

còn sống chung. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà N và ông H là do ông H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc con chung, ông H chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân. Ông H nhiều lần đe dọa và bạo lực gia đình đối với bà N. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đắc Thiện N1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2023. Khi ly hôn, bà N có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà N không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh Nguyễn Đắc Thiện N1 (bản sao).

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Đắc H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày, ông H xác nhận là đúng; quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm. Bà N và ông H đã không còn chung sống với nhau. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông H không đồng ý ly hôn với bà N vì ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với bà N.

Về con chung: ông H và bà N có một con chung tên Nguyễn Đắc Thiện N1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2023. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Hòa đồng Ý giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A: bà Nguyễn Mỹ N và ông Nguyễn Đắc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2023. Quá trình chung sống, bà N và ông H không trình báo chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nên địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; các điều 57, 58 và 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông H. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông H là bị đơn có nơi cư trú tại số A, đường Đ, tổ B, ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với nguyên đơn là bà N và bị đơn là ông H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà N và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 16/5/2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn với ông H với lý do: ông H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc con chung, chỉ biết lợi ích của bản thân; đồng thời, ông H nhiều lần đe dọa và bạo lực gia đình đối với bà N.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A: bà Nguyễn Mỹ N và ông Nguyễn Đắc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2023. Trong quá trình chung sống, bà N và ông H không trình báo chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nên địa phương không có thông tin. Tuy nhiên, về phía ông H thừa nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Bà N và ông H hiện không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ nên không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là tình tiết mà các đương sự đã thừa nhận, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đắc Thiện N1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2023. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, con chung hiện đang sinh sống ổn định cùng bà N; bà N có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, ông H cũng thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung Nguyễn Đắc Thiện N1 cho bà Nguyễn Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về tố tụng và nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ N đối với bị đơn ông Nguyễn Đắc H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Đắc H.

Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Đắc Thiện N1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2023 cho bà Nguyễn Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đắc H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu

cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Mỹ N và ông Nguyễn Đắc H không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0012775 ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là UBND xã An Long, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 16/5/2023);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thảo